

CÔNG TY CP BÊ TÔNG HÒA CÀM - INTIMEX

Địa chỉ: Phan Bội Châu - Tam Kỳ - Quảng Nam

Địa chỉ giao dịch: Quốc lộ 14B - Hòa Thọ Tây - Cẩm Lệ - Đà Nẵng

Tel: 0511.3675155 - 2469206

Fax: 0511.3672516

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 2 năm 2015**

Mẫu số: B01a-DN

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		79 964 973 262	65 037 504 455
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1 441 221 053	2 279 791 508
1. Tiền	111		1 441 221 053	2 279 791 508
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73 448 032 768	58 732 469 418
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	80 228 933 193	65 682 328 412
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		535 374 547	50 000 947
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	132 548 284	91 468 815
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7,652,620,128)	(7,295,125,628)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		203 796 872	203 796 872
IV. Hàng tồn kho	140	8	4 707 501 267	3 891 928 439
1. Hàng tồn kho	141		4 707 501 267	3 891 928 439
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		368 218 174	133 315 090
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	126 967 817	133 315 090
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		241 250 357	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		42 686 877 140	38 589 996 147
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		35 442 327 602	32 084 428 567
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	35 429 093 567	32 062 288 474
- Nguyên giá	222		90 023 584 352	84 182 623 270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54,594,490,785)	(52,120,334,796)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			

3. Tài sản cố định vô hình	227	11	13 234 035	22 140 093
- Nguyên giá	228		65 727 273	65 727 273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52,493,238)	(43,587,180)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1 818 181 818	1 818 181 818
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1 818 181 818	1 818 181 818
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4 967 197 763	4 487 665 846
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	5 319 660 000	5 319 660 000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(352,462,237)	(831,994,154)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		459 169 957	199 719 916
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	310 066 870	199 719 916
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		149 103 087	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		122 651 850 402	103 627 500 602
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		63 169 218 735	51 889 462 336
I. Nợ ngắn hạn	310		63 158 803 905	51 889 462 336
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	30 254 863 085	26 484 589 291
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		433 492 321	589 133 339
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	16	2 031 816 636	1 191 250 071
4. Phải trả người lao động	314		3 591 305 314	3 754 587 971
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	52 558 775	25 810 182
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	312 229 218	457 102 015
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	26 106 581 040	19 483 546 751
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		375,957,516	(96,557,284)
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		10 414 830	
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		10 414 830	

12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		59 482 631 667	51 738 038 266
I. Vốn chủ sở hữu	410		59 482 631 667	51 738 038 266
1. Vốn góp của chủ đầu tư	411	20	36 705 220 000	36 705 220 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36 705 220 000	36 705 220 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415	20	(390,000)	(390,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	6 018 212 266	5 424 936 348
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	16 759 589 401	9 608 271 918
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	7 340 996 000	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	9 418 593 401	9 608 271 918
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		122 651 850 402	103 627 500 602

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Văn Long

Quảng Nam, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Nguyễn Thị Ngọc Anh